

Bản án số: 28 /2023/HNGĐ- ST

Ngày: 08 /9/2023

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tất D
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 47/2023/TL-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Mạnh D, sinh năm 1992;
Trú tại: Tổ 8, phường TT, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1992;
Trú tại: xóm AT, thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, anh **Đào Mạnh D** trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Khoảng tháng 7/2012 anh và chị Đoàn Thị H quen biết nhau, hai bên có qua lại tìm hiểu trong một thời gian ngắn rồi chị H mang thai, sau đó quyết định tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND phường TT, thành phố Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại tổ 8, phường TT,

thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống cùng gia đình anh thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do có những va chạm trong sinh hoạt hàng ngày. Đầu năm 2013 anh lên đường nhập ngũ đóng quân ở Lạng Giang-Bắc Giang. Ở nhà chỉ có vợ anh chung sống cùng bố mẹ anh. Tháng 4/2013 chị H sinh con, khi con được 6 tháng tuổi thì chị H bỏ con cho bố mẹ anh nuôi dưỡng, chăm sóc, chị H ra đi khỏi nhà không nói gì với bố mẹ anh và cũng không điện thoại báo cho anh biết. Bố mẹ anh sang nhà bố mẹ đẻ của chị H tại Tổ dân phố AT, thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tìm chị H về mấy lần nhưng bố mẹ chị H cũng không biết chị H đi đâu, chỉ nói là chị H có về nhà mấy hôm rồi lại đi nhưng không biết đi làm gì, ở đâu.

Tháng 7/2014 anh xuất ngũ trở về địa phương, anh cũng đi tìm chị H nhiều nơi nhưng không thấy, anh lên nhà bố mẹ đẻ của chị H tại Tổ dân phố AT, thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để hỏi xem tình hình chị H ở đâu để gọi về nhưng bố mẹ chị H chỉ nói : “ H bảo đi làm ăn nhưng không nói làm ở đâu”. Do gia đình chị H dấu địa chỉ của chị H, không nói cho anh biết về nơi ở của chị H nên suốt từ năm 2014 đến nay một mình anh nuôi con mà chị H không một lần thăm hỏi con hoặc gọi điện cho anh để thăm hỏi con. Nay anh xác định chị H bỏ con và anh đi cũng đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, anh khởi kiện ra Tòa xin được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Vợ chồng anh có 01 con chung là Đào Ngọc K, sinh ngày 22/4/2013 năm nay lên lớp 5 trường tiểu học TT, thành phố Thái Nguyên, hiện anh đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, anh không ngăn cản. Tại bản tự khai của con chung trên 7 tuổi là Đào Ngọc K, sinh ngày 22/4/2013 trình bày về nguyện vọng của con xin được ở với bố D.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- **Về Tài sản chung, nợ chung:** Anh và chị H không có.

- **Về án phí:** Anh chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án ly hôn, đã phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố AT và UBND thị trấn HT đến gia đình chị H để tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho chị Đoàn Thị H đến Tòa án để viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải với anh Đào Mạnh D nhưng chị H vắng mặt tại gia đình. Bà Phạm Thị Hường (là mẹ đẻ của chị H) chứng kiến việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H nhưng bà không biết chị H hiện ở đâu.

Do chị H không hợp tác giải quyết vụ án nên Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại Công an thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về nơi thường trú

của chị Đoàn Thị H. Qua xác minh, Công an thị trấn HT, huyện Đ cung cấp: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1992, Nơi cư trú: Tổ dân phố AT, thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, hiện nay chị H vẫn có đăng ký thường trú tại Tổ dân phố AT, thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Toà án đã xác minh với tổ trưởng tổ dân phố AT thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về tình trạng hôn nhân của anh D và chị H. Qua xác minh, ông Trần Văn H – Tổ trưởng TDP AT cung cấp: Anh Đào Mạnh D và chị Đoàn Thị H kết hôn vào cuối năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, thành phố Thái Nguyên, đầu năm 2013 có đợt tuyển quân đi bộ đội, anh D có tham gia nhập ngũ. Chị H sống tại gia đình chồng và sinh con đầu lòng năm 2013, sau đó chị H để con cho ông bà nội trông nuôi còn chị H trở về nhà bố mẹ đẻ tại TDP AT – HT – Đ ở, được một thời gian thì chị H đi làm ăn ở đâu không báo cho chính quyền địa phương biết. Nghe mẹ chị H nói tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Do không tổng đạt được các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H, anh D có đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ và Thông báo tìm kiếm chị H trên phương tiện thông tin đại chúng nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 177, 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H tại địa phương nơi cư trú và trụ sở TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tổng đạt trực tiếp được cho chị H các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án với anh D nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai, Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 177, 179, 180 BLTTDS là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Mạnh D và chị Đoàn Thị H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, thành phố Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và

có va chạm trong sinh hoạt cùng gia đình anh D, chị H để lại con cho bố mẹ anh D nuôi dưỡng khi anh D còn trong quân ngũ, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Ngọc K, Sinh ngày 22/4/2013. Bản thân anh D có nguyện vọng nuôi con cũng như Nguyên vọng của con xin được ở với anh D; Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 177, 179, 180, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81,82,83,84, Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đào Mạnh D được ly hôn chị Đoàn Thị H; Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đào Ngọc K, sinh ngày 22/4/2013 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Bị đơn- Chị Đoàn Thị H cư trú tại: Tổ dân phố AT thị trấn HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở đơn đề nghị của anh Đào Mạnh D đề nghị Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân nhưng không tổng đạt trực tiếp cho chị H được nên phải thực hiện thủ tục niêm yết công khai và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định Điều 179, 180 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Các văn bản tố tụng Tòa án đã niêm yết tại nơi cư trú của chị H và Trụ sở TAND huyện Đ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho chị H theo đúng quy định của BLTTDS

năm 2015 nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị H theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Mạnh D và chị Đoàn Thị H kết hôn năm 2012 do hai bên tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, thành phố Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo anh Dg trình bày: Lý do anh xin ly hôn chị H là do chị H bỏ con bỏ gia đình để ra đi, đi đâu không nói cho anh biết và cũng không nói lý do chị H bỏ đi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

HĐXX xét thấy hôn nhân giữa anh D và chị H đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, bản thân chị H không hợp tác giải quyết ly hôn với anh D mà bỏ nhà ra đi, để mặc cho tình trạng vợ chồng mỗi người ở một nơi, cả hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc nhau, không quan tâm gì đến nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định: **“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng.**

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”

Như vậy xác định tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Đào Mạnh D, cho anh D được ly hôn chị Đoàn Thị H là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Ngọc K, sinh ngày 22/4/2013. Nguyên vọng của anh D và của con đều xin được ở với anh D. Chị H không tham gia giải quyết vụ án cùng anh D nên không biết quan điểm của chị H về con chung như thế nào vì vậy HĐXX thấy cần giao con chung Đào Ngọc K, sinh ngày 22/4/2013 cho anh Đào Mạnh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về Quyền đi lại thăm nom con chung: Chị Đoàn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Tòa án không lấy được lời khai chị H về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không và quan điểm của chị H đối với phần tài sản chung, nợ chung(nếu có) nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Các bên đương sự yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 177, 179, 180, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81,82,83,84, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự

Tu y ̣n x ̣o :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Đào Mạnh D, cho anh D được ly hôn chị Đoàn Thị H. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Mạnh D và chị Đoàn Thị H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Mạnh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Ngọc K, sinh ngày 22/4/2013 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* HĐXX không giải quyết do anh D không yêu cầu.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Chị Đoàn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết

các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không giải quyết do anh D không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Đào Mạnh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số **0003772 ngày 17/5/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2012, phường TT, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận HNGĐ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

